MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁP LÝ VỀ CÔNG KHAI THÔNG TIN MÔI TRƯỜNG CỦA DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY

TẠ THỊ THÙY TRANG(*)

Tóm tắt: *Bài viết tập trung làm rõ các khái niệm liên quan và bước đầu phân tích những ưu điểm bất cập của pháp luật công khai thông tin về môi trường của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, tác giả nêu ra một số yêu cầu nhằm hoàn thiện chính sách và pháp luật, tăng cường trách nhiệm công khai thông tin về môi trường của doanh nghiệp, thúc đẩy sự phát triển theo hướng bền vững ở Việt Nam.*

Từ khóa: *Công khai thông tin môi trường của doanh nghiệp; thông tin môi trường doanh nghiệp; công khai thông tin môi trường.*

Abstract: *The article focuses on clarifying related concepts and initially analyzing the advantages and disadvantages of the law on the disclosure of environmental information of enterprises. On that basis, the author outlines several requirements to improve policies and laws, strengthen the responsibility of enterprises in disclosing environmental information, and promote sustainable development in Vietnam.*

Keywords: *Publicizing environmental information of enterprises; enterprises environmental information; publicize environmental information.*

Ngày nhận bài: 12/10/2023; Ngày sửa bài: 02/11/2023; Ngày duyệt đăng bài: 27/12/2023.

Đặt vấn đề

Môi trường và doanh nghiệp luôn có mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau. Hoạt động của doanh nghiệp có những tác động tích cực lẫn tiêu cực tới môi trường và ngược lại môi trường cũng góp phần tạo nên những thuận lợi hay khó khăn cho doanh nghiệp. Do đó, trách nhiệm của doanh nghiệp với môi trường cần được coi là trách nhiệm với chính mình và chủ động thực hiện với tính tự giác cao. Trong bối cảnh nguồn tài nguyên bị suy giảm, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, chúng ta cần phải tuân thủ chính sách cơ bản là bảo tồn tài nguyên và bảo vệ môi trường sinh thái, đồng thời xây dựng hệ thống quản trị môi trường trong đó chính phủ đóng vai trò chỉ đạo và doanh nghiệp đóng vai trò chủ đạo cùng sự tham gia của công chúng[1]. Với tư cách là các thực thể thị trường, doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng một nền văn minh sinh thái, thực hiện các trách nhiệm về môi trường thông qua hoạt động công khai thông tin môi trường. Thông tin về môi trường giúp xã hội và doanh nghiệp nhận ra tác động đến môi trường của các quyết định kinh doanh[2].

(*) ThS., Khoa Luật, Trường Đại học Thương mại; Email: trang.ttt@tmu.edu.vn

[1] Yang, G. Q., Du, Y. F., and Liu, Y. Z. (2020), Business performance, media attention and environmental information disclosure, Bus. Manag. J. (03), 55-72, (In Chinese), doi:10.19616/j.cnki.bmj.2020.03.004.

[2] Kuk, G., Fokeer, S., Hung, W. (2005), Strategic Formulation and Communication of Corporate Environmental Policy Statements: UK Firms' Perspective, Business Ethics, 58: 375-385.

Milne, M., Patten, D. (2001), Securing organizational legitimacy: an experimental decision case examining the impact of ED, APIRA Conference, 1-44.

1. Khái niệm thông tin về môi trường của doanh nghiệp và công khai thông tin về môi trường của doanh nghiệp

1.1. Thông tin về môi trường của doanh nghiệp

Trên thế giới, có rất nhiều cách hiểu khác nhau về khái niệm thông tin môi trường. Theo nghĩa hẹp nhất, thông tin môi trường được hiểu là tất cả thông tin trong *các báo cáo, kiểm toán, phân tích, hồ sơ, nghiên cứu và các tài liệu khác có chứa thông tin được chuẩn bị bởi doanh nghiệp hoặc thuộc quyền sở hữu, lưu giữ hoặc kiểm soát của doanh nghiệp hoặc chuyên gia tư vấn kỹ thuật của doanh nghiệp mà dựa trên đó phản ánh thông tin liên quan đến các hoạt động môi trường*[3].

Ở nghĩa rộng hơn, nhưng đồng thời cũng tường minh hơn, dưới góc độ quyền tiếp cận thông tin môi trường trong chỉ thị Tiếp cận Thông tin Môi trường (2003/4/EC) thông tin môi trường được hiểu là *hệ thống thông tin được các cơ quan có thẩm quyền cung cấp cho công chúng một cách chủ động hoặc theo yêu cầu.*

Ở Việt Nam, khái niệm thông tin môi trường chính thức được quy định tại Luật BVMT 2014. Theo đó, khoản 29 Điều 3 Luật BVMT 2014 chỉ rõ *thông tin môi trường là số liệu, dữ liệu về môi trường dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự.* Khái niệm thông tin môi trường tiếp tục được cụ thể hóa trong Điều 128 Luật Bảo vệ môi trường 2014. Cụ thể, *thông tin môi trường bao gồm: Số liệu, dữ liệu về thành phần môi trường, các tác động đối với môi trường, chính sách, pháp luật về môi trường, hoạt động bảo vệ môi trường.* Kế thừa trên quan điểm của Điều 128 Luật BVMT 2014, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định 88/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường có quy định thông tin về môi trường bao gồm[4]: Thông tin về chất ô nhiễm, dòng thải các chất ô nhiễm ra môi trường, nguồn ô nhiễm; công tác bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp; Thông tin về chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải, khí thải và các loại chất thải khác theo quy định của pháp luật; Thông tin về quyết định phê duyệt kết quả thẩm định, báo cáo đánh giá tác động môi trường, trừ bí mật thương mại, bí mật kinh doanh, thông tin thuộc bí mật nhà nước; nội dung cấp phép, đăng ký, chứng nhận, xác nhận; kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp theo quy định; Thông tin về chỉ tiêu thống kê môi trường, chất lượng môi trường, ô nhiễm môi trường; Thông tin về di sản thiên nhiên, hệ sinh thái tự nhiên, loài sinh vật và nguồn gen; khu bảo tồn thiên nhiên và cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học; vùng đất ngập nước quan trọng.

Tóm lại, khái niệm thông tin về môi trường doanh nghiệp có thể được hiểu cơ bản như sau:

Thông tin về môi trường của doanh nghiệp là số liệu, dữ liệu về các yếu tố thuộc môi trường (cụ thể có thể kể đến như chất ô

[3] Nghị định phù hợp và thỏa thuận xử lý sự cố môi trường của Tòa án phá sản Hoa kỳ Quận Nam của New Yord năm 2010.
[4] khoản 1 Điều 114 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 1 Điều 99 Nghị định 88/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

nhiễm, chất thải, báo cáo đánh giá tác động môi trường, chất lượng môi trường, di sản thiên nhiên và các sinh vật và nhiều yếu tố khác) được thể hiện dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc những dạng tương tự của doanh nghiệp khi có hoạt động tác động lên môi trường.

1.2. Công khai thông tin về môi trường của doanh nghiệp

Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, công khai thông tin môi trường trước hết phải đặt trong mối quan hệ với quyền tiếp cận thông tin. Lần đầu tiên quyền tiếp cận thông tin về lĩnh vực này mới chỉ được ghi nhận một cách ngắn gọn tại Điều 10, Luật Bảo vệ môi trường (BVMT) năm 1993. Đến Luật BVMT năm 2005 được ban hành, quyền tiếp cận thông tin về môi trường mới được đề cập một cách chi tiết hơn. Cụ thể, tại Chương X - Quan trắc và thông tin về môi trường, đã có các quy định: thống kê, lưu trữ dữ liệu, thông tin về môi trường (Điều 102); công bố, cung cấp thông tin về môi trường (Điều 103); công khai thông tin, dữ liệu về môi trường (Điều 104) và thực hiện dân chủ cơ sở về BVMT (Điều 105). Ngoài ra, quyền tiếp cận thông tin về môi trường còn được đề cập tại một số điều khoản liên quan đến: Thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường, và trách nhiệm thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động... Thông tin môi trường tiếp tục được quy định cụ thể hơn tại một số văn bản quy phạm pháp luật như: Luật BVMT năm 2014; Nghị định số 19/2015 ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 73/2017 ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường... và nay là Luật Bảo vệ môi trường 2020 và văn bản hướng dẫn thi hành. So với Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Luật BVMT 2020[5] có những điểm mới mang tính đột phá về công khai thông tin môi trường như đã bổ sung nguyên tắc hoạt động BVMT phải được công khai, minh bạch; quy định rõ trách nhiệm công khai thông tin liên quan đến chất lượng môi trường không khí, chất lượng môi trường đất, chất thải nguy hại, kết quả quan trắc chất thải; chủ trương của Nhà nước là khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp, cung cấp thông tin về môi trường; trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và của chủ dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, khu sản xuất, kinh doanh tập trung, cụm công nghiệp trong việc cung cấp, công khai thông tin về môi trường, hình thức công khai được thực hiện thông qua cổng thông tin của cơ quan, tổ chức, trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc các hình thức khác, bảo đảm thuận tiện cho những đối tượng có liên quan tiếp nhận thông tin.

Công khai thông tin về môi trường của doanh nghiệp được hình thành khách quan từ xã hội. Bản chất của công khai thông tin về môi trường của doanh nghiệp mang ý nghĩa tích cực, phù hợp với những giá trị tiến bộ và hợp lý. Một doanh nghiệp có nguồn vốn lớn có thể có nhiều sự lựa chọn về đầu tư, kinh doanh nhưng không thể mua sự thuận lợi cho mình hơn doanh nghiệp khác

[5] Luật có hiệu lực vào ngày 1/1/2022.

trong tương lai khi môi trường bị ô nhiễm ảnh hưởng chung đến quá trình sản xuất kinh doanh. Trong môi trường kinh doanh, các doanh nghiệp lớn hay nhỏ đều có thể nhận được quyền lợi và nghĩa vụ phù hợp để phát triển. Với những điều kiện và nguồn vốn đầu tư ban đầu dù nhiều hay ít, các doanh nghiệp đều có thể tạo ra những đóng góp cần thiết đối với xã hội với những khả năng không thể đo lường trước. Chính vì lẽ đó, Nhà nước luôn xác định trách nhiệm tạo môi trường thuận lợi chung cho cả doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp vừa và nhỏ. Điều đó cũng đòi hỏi trách nhiệm xã hội, trách nhiệm bảo vệ môi trường của doanh nghiệp. Vì thế, công khai thông tin về môi trường của doanh nghiệp về bản chất không mâu thuẫn với chính sách ưu tiên hay những hạn chế đầu tư của nhà nước đối với doanh nghiệp, bởi khả năng đóng góp cũng như những tác động đến xã hội, công khai thông tin về môi trường của doanh nghiệp chính là đòi hỏi về sự tương xứng giữa quyền lợi và nghĩa vụ của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, cùng với tốc độ tăng trưởng cao, thị trường kinh tế cũng rất dễ gặp phải biến động lớn, doanh nghiệp càng cần chủ động trong hoạt động công khai thông tin. Ví dụ như sự sụp đổ của thị trường chứng khoán sau cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 trên thế giới đã đặt ra thách thức không nhỏ đối với an ninh kinh tế và phát triển bền vững của các quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam. Về nguyên nhân của sự sụp đổ giá cổ phiếu, dựa trên lý thuyết người đại diện chính và lý thuyết thông tin bất cân xứng, các tài liệu liên quan thường phát hiện ra rằng các giám đốc điều hành của doanh nghiệp chọn cách che giấu "tin xấu" của công ty vì động cơ tư lợi nhằm duy trì danh tiếng[6]. Khi những tin tức bất lợi tiếp tục tích lũy cho đến khi không thể che giấu được nữa, nó sẽ đột ngột bùng nổ trên thị trường vốn. Điều đó có nghĩa là công khai thông tin không chỉ là đảm bảo mạnh mẽ cho việc nâng cao trình độ quản trị doanh nghiệp mà còn là nền tảng cho sự phát triển lành mạnh của thị trường vốn của chính doanh nghiệp đó. Công khai thông tin của doanh nghiệp có thể được chia thành công khai thông tin tài chính và công khai thông tin phi tài chính. Vai trò của công khai thông tin phi tài chính, trong đó có công khai thông tin môi trường là một khía cạnh quan trọng của công khai thông tin trong việc cải thiện môi trường thông tin của thị trường vốn[7].

Do đó, khái niệm công khai thông tin về môi trường của doanh nghiệp nên được hiểu trên cùng 2 góc độ:

Một là, công khai thông tin về môi trường của doanh nghiệp là trách nhiệm của doanh nghiệp. Điều này đặt trong sự tương thích giữa quyền lợi và nghĩa vụ của doanh nghiệp. Căn cứ vào những đóng góp, những thiệt hại do doanh nghiệp tạo ra hoặc được dự báo có thể tạo ra đối với xã hội để quy định các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp.

Hai là, công khai thông tin môi trường mang tính tự nguyện của doanh nghiệp.

[6] Jin, L., and Myers, S. C. (2006), R2 around the world: New theory and new tests, J. Financial Econ, 79 (2), 257-292, doi:10.1016/j.jfineco.2004.11.003.

[7] Hu, Y. M., and Tan, Y. C. (2013), Non-financial information disclosure: Literature review and future prospects, Acc. Res, 3, 20-26.

Một số lợi ích của công khai thông tin môi trường bao gồm tăng cường danh tiếng của doanh nghiệp, cải thiện quản trị, giảm thiểu rủi ro, thu hút nhà đầu tư đảm bảo tăng trưởng bền vững và mang lại lợi nhuận lâu dài cho các nhà đầu tư.

Tóm lại, thuật ngữ "công khai thông tin về môi trường của doanh nghiệp" có thể được định nghĩa như sau: *Công khai thông tin về môi trường của doanh nghiệp là việc công bố, cung cấp, giải trình về thông tin môi trường liên quan đến tác động của các hoạt động của doanh nghiệp đến môi trường một cách tự nguyện hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và công chúng.*

2. Những yêu cầu đặt ra đối với hoạt động công khai thông tin về môi trường của doanh nghiệp theo pháp luật Việt Nam hiện hành

Thứ nhất, cần xác định rõ nội hàm của khái niệm công khai thông tin về môi trường

Quy định hiện hành chưa rõ, chủ thể nào có quyền tiếp cận thông tin môi trường, có thể tiếp cận trực tiếp hay bắt buộc tiếp cận gián tiếp thông qua đại diện sẽ gây khó khăn trong quá trình tiếp cận thông tin và giải trình của doanh nghiệp khi có hành vi tác động bất lợi lên môi trường. Bên cạnh đó, chúng ta đều hiểu quyền tiếp cận thông tin không phải là quyền không giới hạn. Thực hiện quyền tiếp cận thông tin phải kèm theo nghĩa vụ, với một số hạn chế nhất định. Luật tiếp cận thông tin của các quốc gia, trong đó có Việt Nam đều quy định về những thông tin, tài liệu mật liên quan đến an ninh quốc gia, bí mật kinh doanh, nghề nghiệp... không được công bố công khai hay không được tiếp cận. Khoản 1 Điều 2 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018 quy định: "Bí mật nhà nước là thông tin có nội dung quan trọng do người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác định căn cứ vào quy định của Luật này, chưa công khai, nếu bị lộ, bị mất có thể gây nguy hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc". Phạm vi bí mật nhà nước bao gồm trong đó gồm thông tin về tài nguyên và môi trường bao gồm tài nguyên nước, môi trường, địa chất, khoáng sản, khí tượng thủy văn, đất đai, biển, hải đảo, đo đạc và bản đồ[8]. Tuy nhiên, do các quy định hiện hành chưa giải thích hay xác định cụ thể về tiêu chí, điều kiện của thông tin được coi là "thông tin gây nguy hại hoặc ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; tính mạng, cuộc sống hoặc tài sản của người khác", hay thông tin nào là "cần thiết vì lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng" nên rất khó hình dung nội hàm thông tin về môi trường của doanh nghiệp bị hạn chế công khai.

Do đó, việc xác định những yếu tố cần thiết hoặc gây ảnh hưởng, nguy hại đều xác định trên yếu tố chủ quan. Điều này thậm chí còn dẫn đến tâm lý e ngại cho chính cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi công khai thông tin môi trường, đây có thể được coi là lý do để từ chối công khai thông tin về môi trường của doanh nghiệp. Vì vậy, để bảo đảm cho quy định về công khai thông tin về môi trường của doanh nghiệp được thực thi có hiệu quả, trước hết Nhà nước cần bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của người dân, trên cơ sở giới hạn phạm vi tiếp

[8] Điều 7 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018.

cận thông tin của công dân. Cụ thể, Nhà nước phải rà soát và hệ thống lại các tiêu chí xác định những thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật đời tư, bí mật kinh doanh nào là những thông tin không được phép tiếp cận, nhằm hạn chế tối đa việc viện dẫn các lý do không chính đáng để từ chối việc cung cấp thông tin cho công dân, tổ chức. Thêm vào đó, Nhà nước cần quy định cụ thể hình thức, trình tự, thủ tục, thời hạn thực hiện quyền này nhằm đảm bảo rằng công dân được thực hiện quyền tiếp cận thông tin một cách thuận tiện, nhanh chóng và ít tốn kém nhất.

Thứ hai, cần quy định cụ thể về thời điểm, hình thức công khai thông tin về môi trường của doanh nghiệp theo yêu cầu

Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 chưa quy định thời điểm công khai, hình thức công khai theo yêu cầu, dẫn đến doanh nghiệp phải công khai thông tin môi trường có thể "tránh, né" công khai. Quy định của pháp luật hiện hành chỉ dừng lại ở việc chủ dự án đầu tư, cơ sở có trách nhiệm cung cấp: Thông tin về chất ô nhiễm, dòng thải các chất ô nhiễm ra môi trường, nguồn ô nhiễm; công tác bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp; Thông tin về chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải, khí thải và các loại chất thải khác theo quy định của pháp luật; Thông tin về quyết định phê duyệt kết quả thẩm định, báo cáo đánh giá tác động môi trường, trừ bí mật thương mại, bí mật kinh doanh, thông tin thuộc bí mật nhà nước; nội dung cấp phép, đăng ký, chứng nhận, xác nhận; kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp theo quy định; cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường thông qua hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia hoặc báo cáo theo quy định của pháp luật[9]. Và các cơ quan, tổ chức, cá nhân công khai thông tin về môi trường theo quy định trên cổng thông tin của cơ quan, tổ chức hoặc bằng hình thức khác, bảo đảm thuận tiện cho đối tượng có liên quan tiếp nhận thông tin[10]. Nhìn theo hướng tích cực, các hình thức công khai thông tin môi trường nói chung và thông tin môi trường doanh nghiệp nói riêng đã được quy định khá linh hoạt, đa dạng, tạo điều kiện thuận lợi cho cả phía cơ quan nhà nước và người dân thực hiện hoạt động tiếp cận thông tin môi trường đảm bảo quyền được cung cấp thông tin của người dân. Tuy nhiên, với quy định như hiện nay, thông tin môi trường doanh nghiệp đưa ra thông qua các báo cáo thực chất vẫn mang tính chủ quan, do chính doanh nghiệp đó quyết định. Đối với việc cung cấp thông tin môi trường theo yêu cầu lại chưa có các quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự tiếp cận thông tin; thời hạn phải trả lời; cung cấp thông tin môi trường. Điểm a khoản 3 Điều 114 Luật BVMT năm 2020 chỉ quy định "Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp thông tin về môi trường". Hơn nữa, cung cấp thông tin về môi trường với việc công khai thông tin về môi trường là hai việc khác nhau. Quy định thiếu cụ thể này sẽ làm giảm hiệu quả chủ trương toàn dân giám sát và bảo vệ môi trường.

[9] Khoản 1,2 Điều 144 Luật Bảo vệ môi trường 2020.
[10] Điểm d, khoản 3, Điều 144 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

Thứ ba, cần quy định rõ ràng trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức, cơ quan nhà nước liên quan đến công khai thông tin môi trường doanh nghiệp.

Mặc dù Luật Bảo vệ môi trường quy định người dân có quyền được biết thông tin về dự án và được tham gia quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường cũng như giám sát các vấn đề môi trường, tuy nhiên thực tế cho thấy số lượng người dân biết đến dự án trước khi xây dựng không nhiều, thậm chí chỉ các đơn vị quản lý mới có thông tin. Hay như một số sự cố môi trường trong những năm gần đây như sự cố cháy nhà máy Rạng Đông, sự cố dầu thải bẩn làm ô nhiễm nước Sông Đà, vấn nạn ô nhiễm không khí ở thành phố lớn... mặc dù ảnh hưởng trực tiếp đến người dân nhưng họ lại là đối tượng được biết thông tin sau cùng, khi sự cố xảy ra mới có cảnh báo và bản thân người dân cũng không biết nên gọi đến cơ quan, đơn vị nào để xác minh vấn đề và ai sẽ là đối tượng chịu trách nhiệm cho các sự cố môi trường xảy ra do chậm chễ về công khai thông tin hoặc thông tin công khai không chính xác. Ví dụ: Về nguyên tắc, thành viên hội đồng thẩm định phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về ý kiến đưa ra, tuy nhiên, quy định này chưa cụ thể về trách nhiệm pháp lý của hội đồng thẩm định. Đơn cử trong trường hợp nếu ý kiến của hội đồng thẩm định là sai, trái với quy định của pháp luật, thì tính chịu trách nhiệm pháp lý ở đây sẽ được thực hiện như thế nào hoặc sẽ bị xử lý ra sao, trong khi liên quan đến xử lý vi phạm trong lĩnh vực môi trường hiện nay không đề cập đến hoặc thậm chí chưa có quy định xử lý về mặt hình sự đối với vấn đề này. Thẩm định báo cáo đánh giá môi trường đóng vai trò cực kỳ quan trọng đến hoạt động phê duyệt, triển khai các dự án, các công trình xây dựng diễn ra trong thực tế, việc xảy ra sai phạm trong bất kỳ trường hợp nào đối với hoạt động thẩm định báo cáo ĐTM cũng gây ra những ảnh hưởng nghiêm trọng đối với vấn đề kiểm soát ô nhiễm môi trường hiện nay của cơ quan nhà nước và đây lại là những thông tin sẽ được công khai. Tuy nhiên, ý kiến của hội đồng thẩm định hiện nay chỉ mang giá trị tư vấn ở góc độ khoa học môi trường và các góc độ liên quan chứ chưa mang giá trị pháp lý cao, chưa đủ cơ sở để quy trách nhiệm pháp lý.

Thứ tư, chế tài xử phạt chủ thể vi phạm công khai thông tin môi trường cần bảo đảm tính răn đe hơn nữa.

Hiện nay, đã có các quy định riêng về xử phạt hành vi không công khai thông tin và không cung cấp thông tin, cụ thể: (1) xử phạt hành vi không công khai thông tin về danh sách các điểm thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ theo quy định; dữ liệu về môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định; không công khai thông tin về mức độ rủi ro và biện pháp quản lý rủi ro đối với môi trường và đa dạng sinh học khi nghiên cứu tạo ra, phát triển công nghệ sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen; (2) xử phạt hành vi không cung cấp thông tin đối với trường hợp nhà phân phối không cung cấp thông tin cho nhà sản xuất theo quy định, cung cấp thông tin sai lệch trong hồ sơ đăng ký cấp phép khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen, hồ sơ cấp Giấy chứng nhận an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen, hồ sơ cấp Giấy xác nhận; hành vi cung cấp

sai thông tin, số liệu về dự án trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; không thực hiện kê khai chứng từ chất thải nguy hại trực tuyến trên hệ thống thông tin của Tổng cục Môi trường hoặc thông qua thư điện tử khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền. Ngoài hình thức xử phạt tiền, các tổ chức cá nhân vi phạm sẽ bị áp dụng biện pháp công khai thông tin trên trang thông tin điện tử hoặc báo của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp tỉnh nơi xảy ra vi phạm hành chính hoặc cơ quan chủ quản của người có thẩm quyền đã xử phạt vi phạm hành chính trong các trường hợp sau: bị tước quyền sử dụng Giấy phép môi trường; bị đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm môi trường hoặc bị đình chỉ hoạt động của cơ sở gây ô nhiễm môi trường; bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm buộc di dời địa điểm đến vị trí phù hợp với quy hoạch và sức chịu tải của môi trường; vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường gây hậu quả lớn hoặc gây ảnh hưởng xấu về dư luận xã hội. Tuy nhiên, chúng ta dễ dàng nhận thấy việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT mới chỉ quy định chế tài xử phạt với các bên liên quan không cung cấp thông tin, cung cấp thông tin không đúng cho cơ quan quản lý nhà nước, trong khi đó lại thiếu chế tài cho việc cơ quan quản lý hay các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không công khai thông tin môi trường cho người dân theo quy định của pháp luật.

Kết luận

Công khai thông tin về môi trường của doanh nghiệp được hình thành khách quan từ xã hội, mang ý nghĩa tích cực, phù hợp với những giá trị tiến bộ và hợp lý. Do đó, yêu cầu đặt ra là pháp luật điều chỉnh hoạt động công khai thông tin môi trường nói chung và công khai thông tin về môi trường của doanh nghiệp nói riêng cần hoàn thiện và toàn diện hơn nữa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Jin, L., and Myers, S. C. (2006), R2 around the world: New theory and new tests, J. Financial Econ, 79 (2), doi:10.1016/j.jfineco.2004.11.003.

2. Hu, Y. M., and Tan, Y. C. (2013), Non-financial information disclosure: Literature review and future prospects, Acc. Res. 3.

3. Kuk, G., Fokeer, S., Hung, W. (2005), Strategic Formulation and Communication of Corporate Environmental Policy Statements: UK Firms' Perspective, Business Ethics, 58: 375-385.

4. Nghị định phù hợp và thỏa thuận xử lý sự cố môi trường của Tòa án phá sản Hoa kỳ Quận Nam của New Yord năm 2010.

5. Nghị định 88/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

6. Milne, M., Patten, D. (2001), Securing organizational legitimacy: an experimental decision case examining the impact of ED, APIRA Conference.

7. Yang, G. Q., Du, Y. F., and Liu, Y. Z. (2020), Business performance, media attention and environmental information disclosure, Bus. Manag. J. (03), (In Chinese), doi:10.19616/j.cnki.bmj.2020.03.004.